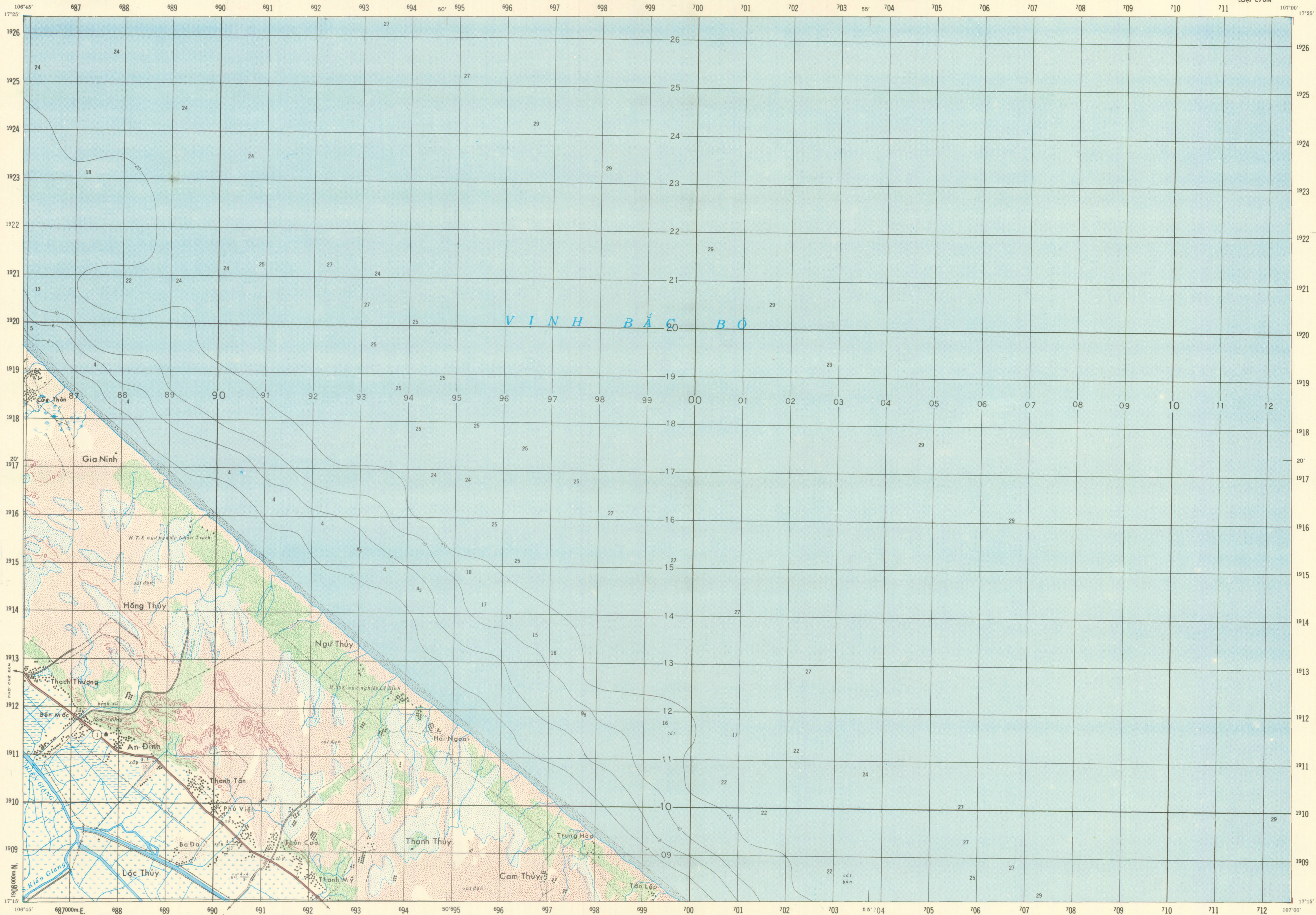




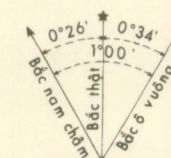
- 14 Đường trục rải nhựa, đ. Tân đường
- 55 Đường rải nhựa, đ. Tân đường
- 55 Đường rải nhựa, đ. Tân đường
- 55 Đường rải nhựa, đ. Tân đường
- 55 Đường rải nhựa, đ. Tân đường
- 55 Đường rải nhựa, đ. Tân đường
- 55 Đường rải nhựa, đ. Tân đường
- 55 Đường rải nhựa, đ. Tân đường
- 55 Đường rải nhựa, đ. Tân đường
- 55 Đường rải nhựa, đ. Tân đường

- Biên giới nước
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện, quận
- Tỉnh lỵ, Huyện lỵ
- Là cái, Chim, nổi, Hang động
- Trạm vô tuyến, Trạm khí tượng, Hầm mỏ
- Nghĩa địa
- Điểm kiểm tra
- Điểm kiểm tra
- Điểm kiểm tra
- Điểm kiểm tra

- Thôn xóm, Khu nhà chu lủ
- Nhà thờ, Trường, Đồn, Tân tích
- Đền miếu, Chùa, Am
- Kênh, mương, ao, Rừng dưới 18m, Trên 18m
- Hồ ao, Có nước quanh năm, Từng mùa
- Đập xây, Đập đất
- Ghềnh chảy mạnh, Thác lớn, Thác nhỏ
- Rừng muối
- Bể nước, Giếng, Nguồn

1:50000
1 CM BẰNG 500M THỰC ĐỊA
KHOẢNG CAO ĐỀU CỦA ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ CƠ BẢN LÀ 20M
HỆ CHIẾU HÌNH U.T.M.
THỂ BẦU DỤC QUẢ ĐẤT Ế-VỀ-RÉT
GỐC ĐẠI ĐỊA AN ĐỘ 1960
GỐC ĐỘ CAO MẶT BIỂN TRUNG BÌNH PHỔNG CHỨNG

- Rừng già, Rừng thưa
- Bụi rậm, Đồn điển
- Chè, Cà phê
- Cao su, Co
- Thông, Tre
- Dừa nước, Bãi biển
- Đất có thể lư, Đồng cỏ
- Rừng lủ, Đồng lủ
- Vùng đá vôi hay đá



Trị số góc lệch nam châm đo năm 1965

BẢNG CHẬP		
6344 III		
6343 IV	6343 I	
6343 III	6343 II	6443 III

CỤC BẢN ĐỒ - BỘ TỔNG THAM MƯU - Q.D.N.D.V.N.
In lần thứ tư năm 1983 theo 1:50 000 U.T.M. in năm 1965
Chính lý theo 1:50 000 U.T.M. điều tra thực địa năm 1980
Cấp đường theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải năm 1983 và 1:500 000 giao thông in năm 1980